

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Thành và bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quang Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** bà Đoàn Thị H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn:*** ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đoàn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A1 (nay là huyện Đ), tỉnh Gia Lai vào năm 1995.

Cuộc sống vợ chồng thực sự không có hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T ham chơi, thường xuyên uống rượu, cờ bạc rồi về nhà chửi mắng và đánh đập vợ. Năm 2018 bà H đã làm đơn xin ly hôn với ông T nhưng bà H đã làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên từ đó đến nay ông T vẫn không thay đổi, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ và ly thân nhau, phần ai nấy sống và không quan tâm gì đến nhau nữa từ cuối năm 2018.

Nay bà H xét thấy thực sự không còn tình cảm với ông T nữa, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H và ông Nguyễn Thanh T được ly hôn.

Về con chung: bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung là Nguyễn Kiều N, sinh ngày 05/02/1996 và Nguyễn Thanh V, sinh ngày 05/4/2000, hiện nay hai con đã trưởng thành và tự lập được nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Đoàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Đoàn Thị H khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì.

[3]. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/3/2024, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 trích lục kết hôn (Bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Đoàn Thị H (Bản sao chứng thực); 01 Giấy khai sinh Nguyễn Kiều N (Bản sao chứng thực); 01 Giấy khai sinh Nguyễn Thanh V (Bản sao chứng thực); 01 bản tự khai ngày 12/12/2023. Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không. Các tài liệu do Tòa án thu thập: 01 Biên bản xác minh ngày 04/3/2024.

[4]. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H, cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bị đơn là ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú ở thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy nguyên đơn là bà Đoàn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thanh T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A1 (nay là huyện Đ), tỉnh Gia Lai vào ngày 16/9/1995. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị H: bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung; ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc rồi về nhà đánh đập vợ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà H đã nhiều lần khuyên nhủ và cố gắng chịu đựng vì con cái nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Hai bên đã ly thân nhau, phân ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau từ năm 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: cuộc sống chung giữa bà H và ông T không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau, bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhau. Trong thời gian Tòa án giải quyết đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Thanh T đều không đến nên không có lời khai về việc giải quyết vụ án trong hồ sơ. Như vậy thể hiện ông T đã bỏ mặc mọi việc đến đâu thì đến, không còn quan tâm gì đến cuộc sống vợ chồng với bà H nữa. Tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T như vậy là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: các con của bà H và ông T đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên không đề cập đến.

[5]. Về tài sản chung: bà Đoàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: bà Đoàn Thị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Trong vụ án này bà Đoàn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H. Bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003004 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2024) đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Yến Ngọc

